

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày: 26/01/2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thu Hằng

2. Ông Trần Tấn Kiệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – An Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2025/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ T, ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, nay là tổ T, ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông **Mai Hồng H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, nay là ấp K, xã G, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2025. Có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà **Phạm Thị Kim N**, sinh năm 1980. Có mặt.

2/ Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1977. Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nay là Tổ B, ấp K, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông **Mai Hồng H** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào đầu năm 2020, vợ chồng bà Phạm Thị Kim Ngân và ông Lê Thanh L có mua phân bón của ông Huỳnh Văn L nhiều lần. Tính tới ngày 05/11/2023 bà N, ông L xác nhận còn nợ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và thỏa thuận tính lãi suất

là 1,5%/tháng. Đến ngày 11/4/2024 bà N có trả được số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền nợ bà N, ông L còn nợ ông L là 900.000.000 đồng.

Nay ông L yêu cầu bà N, ông L phải trả một lần hết số nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất như sau: Tính lãi 1,5%/tháng từ ngày 05/11/2023 đến ngày 10/4/2024 trên số tiền 1.000.000.000 đồng và tính lãi 1,5%/tháng từ ngày 11/4/2024 đến khi trả xong nợ trên số tiền nợ 900.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông H xin thay đổi một phần yêu cầu về mức lãi suất, cụ thể ông H yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Bị đơn bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L trình bày:

Vợ chồng ông, bà có mua phân bón của ông Huỳnh Văn L nhiều lần. Ngày 05/11/2023 vợ chồng ông, bà có xác nhận số nợ còn nợ ông L là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngày 11/4/2024 ông, bà có trả được số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 900.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông, bà đồng ý trả số nợ 900.000.000 đồng và trả theo mùa vụ, mỗi vụ 06 tháng sẽ trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi ông, bà yêu cầu tính lại lãi suất theo lãi mua bán là 10%/năm và tại phiên tòa bà N đồng ý tính lãi với mức lãi suất 10%/năm.

Nội dung các đương sự thống nhất được: Ông Mai Hồng H và bà Phạm Thị Kim N, ông Lê Thanh L thống nhất số tiền nợ là 900.000.000 đồng và thỏa thuận mức lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L là bị đơn có nơi cư trú tại Tổ B, ấp K, xã H, tỉnh An Giang nên khi có phát sinh tranh chấp vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Về quan hệ pháp luật: Phía ông Huỳnh Văn L yêu cầu bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L trả tiền nợ mua phân bón nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Đối với ông Lê Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của ông Huỳnh Văn L yêu cầu bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L trả một lần hết số nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 05/11/2023 đến ngày 10/4/2024 trên số tiền 1.000.000.000 đồng và từ ngày 11/4/2024 đến khi trả xong nợ trên số tiền nợ 900.000.000 đồng.

Nhận thấy, ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim N, ông Lê Thanh L đều thừa nhận có thoả thuận mua bán phân bón với nhau, việc mua bán được thực hiện từ năm 2020, đến ngày 05/11/2023 hai bên có tiến hành xác nhận nợ và bà N, ông L có ký giấy xác nhận còn nợ ông L số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngày 11/4/2024 bà N có trả cho ông L được số tiền 100.000.000 đồng. Khi khởi kiện ông L có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm giấy ghi số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền đã trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tài liệu chứng cứ này đều có chữ ký của bà N, ông L, phía bà N, ông L cũng xác nhận đúng chữ ký của mình và đồng ý trả số nợ còn lại 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) cho ông L. Theo đó, yêu cầu của ông Huỳnh Văn L có cơ sở chấp nhận, buộc bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 430 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với tiền lãi và lãi suất, xét thấy, phía bà N và ông L đã nhận đủ tài sản mua bán nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền. Do đó, bà N và ông L phải trả lãi trên với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Về mức lãi suất, tại thời điểm mua bán các bên không có thoả thuận việc tính lãi nhưng đến thời điểm xác nhận nợ ngày 05/11/2023 các bên mới thoả thuận tính lãi suất là 1,5%/tháng nên lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên và không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông Hải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm và thời gian tính lãi làm tròn tháng không tính ngày, phía bà N cũng đồng ý trả lãi với mức lãi suất 10%/năm. Theo đó, Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của ông H và bà N tính mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Theo đó, tiền lãi được tính như sau: Thời gian tính lãi từ ngày 05/11/2023 đến ngày 10/4/2024 là 05 tháng 05 ngày làm tròn là 05 tháng, trên số tiền nợ 1.000.000.000 đồng, số tiền lãi được tính là $(1.000.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 05 \text{ tháng}) = 41.650.000 \text{ đồng}$; Thời gian tính lãi từ ngày 11/4/2024 đến ngày xét xử 26/01/2026 là 21 tháng 15 ngày làm tròn 21 tháng trên số tiền nợ 900.000.000 đồng, số tiền lãi được tính là $(900.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 21 \text{ tháng}) = 157.437.000 \text{ đồng}$; Tổng số tiền lãi là 199.087.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi phía bà N và ông L phải trả cho ông L là 1.099.087.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi là 199.087.000 đồng.

[5] Về phương thức thanh toán nợ: Bà N, ông L xin trả theo mùa vụ, mỗi vụ 06 tháng sẽ trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với phương thức trả nợ này phía nguyên đơn không đồng ý, đồng thời Bộ luật dân sự cũng không quy định về phương thức cũng như thời gian trả chậm nếu các bên đương sự không thoả thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét phương thức thanh toán nợ của bà N, ông L. Phương

thức thanh toán là thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự trong quá trình thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà N, ông L bị buộc trả nợ 1.099.087.000 đồng nên phải chịu án phí giá ngạch với số tiền là $(36.000.000đ + (299.087.000đ \times 3\%)) = 44.972.610$ đồng.

Ông L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 357, 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc: Bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền nợ là 1.099.087.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi là 199.087.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Kim N và ông Lê Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.972.610 đồng.

Ông Huỳnh Văn L được nhận lại án phí tạm nộp với số tiền 22.335.000 đồng theo lai thu số 0010720 ngày 02/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – An Giang.

3. Báo nguyên đơn và bà N được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/01/2026). Ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 8 – An Giang;
- Thi Hành án DS tỉnh An Giang;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Giang Phước Thành